TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản,
đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng,
hợp đồng thuê tài sản và mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Huỳnh Văn Thanh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh long tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 33/2015/TLST- KDTM, ngày 28 tháng 10 năm 2015, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và hợp đồng thuê tài sản và mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST – KDTM, ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP.

Địa chỉ: ấp O, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Tấn P, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: số A, ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2015).

2. *Bị đơn:*

1/ Ông La Thành T, sinh năm 1978 (có mặt).

2/ Bà Huỳnh Thị Mai K, sinh năm 1979 - Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT.

Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K: Bị đơn La Thành T (theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Mai K:

Luật sư Nguyễn Thị Thùy C - Văn phòng luật sư TC - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Địa chỉ: Số M, đường U, Phường V, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Tấn P trình bày:

Ông Nguyễn Văn L là Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP có nhận thi công láng nhựa mặt đường công trình đường Long Phước – Mỹ An thuộc xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, ông L có thuê bãi đá của Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT để bóc dở đá từ xà lang lên công trình. Không có hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói và thỏa thuận cụ thể như sau: Ông L thuê mặt bằng của ông La Thành T và bà Huỳnh Thị Mai K – Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT từ ngày 15/12/2013 đến ngày 15/01/2014 với số tiền thuê là 5.000.000 đồng.

Sau khi thỏa thuận ông L đưa đến mặt bằng thuộc Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT một chiếc xe cuốc hiệu KOBELCO 07m^3 có đặc điểm: màu vàng, bánh xích, máy 6D15, dùng để bóc dở đá từ xà lang lên xe đến công trình. Gía trị chiếc xe cuốc hiệu KOBELCO 07 m^3 là 400.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận thì ông L đã thanh toán đủ tiền thuê mặt bằng cho ông T, bà K với số tiền là: 5.000.000 đồng. Nhưng từ ngày 16/01/2014 thì ông T, bà K giữ xe KOBELCO 07m^2 không cho ông L lấy xe đi công trình khác, vì cho rằng chưa thanh toán đủ số tiền thuê mặt bằng.

Do ông L nhận thi công 03 công trình trọng điểm trong huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cụ thể: Công trình láng nhựa mặt đường từ Trường tiểu học Tân Long B đến đường Tỉnh 903; công trình láng nhựa mặt đường từ Cầu số 6 đến Ba Cò, Ba cò đến Trạm y tế xã Tân Long Hội, nên ông L rất cần phương tiện để thi công, nhưng chiếc xe cuốc thì bị ông T, bà K giữ. Để đảm bảo tiến độ thi công công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư, ông L phải thuê 02 xe cuốc và 01 cần cẩu để phục vụ cho việc thi công các công trình nêu trên, cụ thể:

Ngày 08/06/2014 ông L ký hợp đồng với chị Lê Thị Mỹ O, địa chỉ: Số S, Đường B, Khóm H, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, thuê một chiếc xe cuốc

hiệu Sumitomo 05 để thi công công trình đường nhựa từ Cầu số 06 đến Ba Cò; Ba Cò đến Trạm y tế xã Tân Long Hội, giá thuê mỗi tháng 30.000.000 đồng thời hạn thuê tính từ ngày 09/06/2014 đến hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

Ngày 21/05/2014 ông L ký hợp đồng với anh Hồ Thanh G, địa chỉ: Khóm I, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long, thuê một chiếc xe cuốc Hitachi 0.25 để thi công công trình đường nhựa từ Trường tiểu học Tân Long B đến đường Tỉnh 903, giá thuê mỗi tháng 25.000.000 đồng thời hạn thuê tính từ ngày 22/05/2014 đến khi hoàn thành công trình.

Ngày 29/06/2014 ông L ký hợp đồng với anh Lê Thanh Hồng, địa chỉ: Khóm 1, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, thuê một cẩu bánh xích để bốc dỡ đá thi công công trình, giá thuê mỗi tháng 45.000.000 đồng, thời hạn thuê tính từ ngày 30/06/2014 đến khi hoàn thành công trình.

Cụ thể các khoản thiệt hại như sau:

- Tiền thuê xe cuốc hiệu Sumitomo 05, mỗi tháng 30.000.000 đồng, từ ngày 09/06/2014 đến ngày 24/11/2014 là 05 tháng 15 ngày, với tổng số tiền là 165.000.000 đồng.

- Tiền thuê xe cuốc hiệu Hitachi 0.25, mỗi tháng 25.000.000 đồng, từ ngày 22/05/2014 đến ngày 24/11/2014 là 06 tháng 02 ngày (làm tròn 06 tháng) với tổng số tiền là 150.000.000 đồng.

- Tiền thuê cần cẩu mỗi tháng 45.000.000 đồng từ ngày 30/06/2014 đến ngày 24/11/2014 là 04 tháng 24 ngày với tổng số tiền là 216.000.000 đồng.

Việc ông T và bà K giữ chiếc xe cuốc của ông L là hoàn toàn trái với quy định pháp luật, xâm phạm lợi ích doanh nghiệp của ông L.Vì vậy, ông L làm đơn khởi kiện nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Trong quá trình thụ lý giải quyết tại Tòa án, ông L đã nhận lại chiếc xe cuốc hiệu KOBELCO 07m^3, nên không yêu cầu ông T, bà K trả.

- Buộc vợ chồng ông La Thành T và bà Huỳnh Thị Mai K – Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT bồi thường thiệt hại cho ông L tiền thuê xe cuốc hiệu Sumitomo 05 mỗi tháng 30.000.000 đồng, từ ngày 09/06/2014 đến ngày 24/11/2014 là 05 tháng 15 ngày với tổng số tiền là 165.000.000 đồng; tiền thuê xe cuốc hiệu Hitachi 0.25 mỗi tháng 25.000.000 đồng, từ ngày 22/05/2014 đến ngày 24/11/2014 là 06 tháng 02 ngày (làm tròn 06 tháng) với tổng số tiền là 150.000.000 đồng .

Đối với số tiền thiệt hại thuê cần cẩu mỗi tháng 45.000.000 đồng, từ ngày 30/06/2014 đến ngày 24/11/2014 là 04 tháng 24 ngày là 216.000.000 đồng, thì người đại diện theo ủy quyền của ông L là ông Phát không yêu cầu ông T, bà K bồi thường.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông La Thành T cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K, Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT trình bày: Về thời gian thuê, mục đích thuê, giá thuê như ông L trình bày là đúng. Trong thời gian thuê thì ông L có đưa một chiếc xe cuốc hiệu KOBELCO 07m^2 đến mặt bằng thuộc cơ sở của ông T, bà K là đúng.

Trong quá trình thuê mặt bằng thì phía ông L và nhân viên (không nhớ rõ họ tên) của ông L có nợ vợ chồng ông T, bà K các khoản tiền thuê ông T, bà K bóc dở vật tư và mua vật tư xây dựng như sau: Tiền thuê máy ông T, bà K cạp từ xà lan lên bãi: 1.357m^3 x 25.000đ/m^3 là 33.925.000 đồng; tiền thuê cạp từ bãi lên xe: 931m^3 x 15.000đ/m^2 là 13.965.000 đồng; tiền thuê mặt bằng 5.000.000 đồng; tiền thuê xe tải chở đá đợt 1 là 735.000 đồng và tiền thuê xe chở đá đợt 2 là 8.176.000đ; tiền thuê cạp tưới nhựa 405.000 đồng; tiền mua đá 04 là 5.635.000 đồng. Ông L đã trả ông T, bà K được 6.000.000 đồng, còn lại đến nay chưa trả.

Nay không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông L, vì ông T, bà K không có giữ xe cuốc của ông L, xe ông L đã hư hỏng nên cố tình để lại, ông T có báo Ủy ban nhân xã Long Mỹ biết sự việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà K yêu cầu ông L trả tiền thuê và mua vật tư nêu trên là 60.841.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Mai K đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn với lý do như sau: Bị đơn không có giữ xe cuốc của nguyên đơn, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh, không có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi, không có hành vi trái pháp luật của bị đơn, bị đơn có báo Ủy ban nhân dân xã L khi nguyên đơn để xe (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L ngày 23/3/2015), nguyên đơn ông L thừa nhận không có báo chính quyền địa phương khi bị đơn giữ xe. Hậu quả thiệt hại không phải bị đơn gây ra. Việc nguyên đơn thuê xe khác là phục vụ việc kinh doanh của nguyên đơn không có hành vi trái pháp luật của bị đơn. Hợp đồng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không thể hiện nội dung cụ thể để xác định trách nhiệm khi phát sinh tranh chấp, nên không có căn cứ xem xét trách nhệm các bên tham gia hợp đồng.

Bị đơn rút yêu cầu nguyên đơn trả 60.841.000 đồng tiền thuê và mua vật tư, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nêu nội dung vụ án, nhận xét đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông L đòi bị đơn bồi thường thiệt hại do giữ xe cuốc là 315.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu của ông L về yêu cầu ông T, bà K trả xe KOBELCO 07m^3.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông T, bà K về việc yêu cầu ông L trả tiền thuê và mua vật tư xây dựng là 60.841.000 đồng.

Về án phí các đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP khởi kiện bị đơn ông La Thành T và bà Huỳnh Thị Mai K - Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT là quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và hợp đồng thuê tài sản và mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2, 3, 6 Điều 26; khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L là Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP có thỏa thuận bằng miệng thuê mặt bằng của bị đơn ông La Thành T và bà Huỳnh Thị Mai K - Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT thuộc ấp R, xã L từ ngày 15/12/2013 đến ngày 15/01/2014 với số tiền là 5.000.000 đồng. Mục đích là thuê mặt bằng là để ông L tập kết vật tư để thi công láng nhựa mặt đường công trình đường Long Phước – Mỹ An thuộc xã Long Mỹ, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long là có thật vì đều này được các đương sự thừa nhận.

Tại phiên tòa ông Phát đại diện theo ủy quyền của ông L thay đổi không yêu cầu ông T, bà K bồi thường số tiền thiệt hại thuê cần cẩu mỗi tháng 45.000.000 đồng, từ ngày 30/06/2014 đến ngày 24/11/2014 là 04 tháng 24 ngày với số tiền là 216.000.000 đồng. Việc thay đổi này không vượt quá giới hạn khởi kiện ban đầu, không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên chấp nhận.

Tại phiên tòa ông Phát đại điên theo ủy quyền của ông L rút yêu cầu ông T bà K trả lại chiếc xe cuốc hiệu KOBELCO 07m^3.

Tại phiên tòa bị đơn ông T cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà K rút yêu cầu ông L trả tiền thuê và mua vật tư xây dựng 60.841.000 đồng.

Việc rút yêu cầu của ông L, ông T, bà K là tự nguyên, các bên thống nhất không có ý kiến, không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên đình chỉ xét xử.

Xét, ông L yêu cầu vợ chồng ông La Thành T và bà Huỳnh Thị Mai K – Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT bồi thường thiệt hại cho ông L tiền thuê xe cuốc hiệu Sumitomo 05 mỗi tháng 30.000.000 đồng từ ngày 09/06/2014 đến ngày 24/11/2014 là 05 tháng 15 ngày với tổng số tiền là 165.000.000 đồng; tiền thuê xe cuốc hiệu Hitachi 0.25 mỗi tháng 25.000.000 đồng từ ngày 22/05/2014 đến ngày 24/11/2014 là 06 tháng 02 ngày (làm tròn 06 tháng) với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, tổng cộng là 315.000.000 đồng.

Tại Điều 608 Bộ luật dân sự 2005 quy định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm như sau:

1. Tài sản bị mất;
2. Tài sản bị hủy hoặc bị hư hỏng;
3. Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản;
4. Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại;

Tại khoản 1 Điều 604 Bộ luật dân sự 2005 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau: " Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác".

Tại tiểu mục 1, Mục I của Nghị quyết 03/2006/NQ/HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao quy định nguyên tắc chung trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố sau:

- Phải có thiệt hại xảy ra.

- Phải có hành vi trái pháp luật.

- Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật. Thiệt hại xảy ra là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật và ngược lại hành vi trái pháp luật là nguyên nhân gây ra thiệt hại.

- Phải có lỗi vô ý hoặc cố ý của người gây thiệt hại.

Đối chiếu các quy định nêu trên thì việc ông L yêu cầu ông T, bà K bồi thường thiệt hại là 315.000.000 đồng là không có căn cứ, bởi; ông L không có chứng cứ chứng minh ông T, bà K ngăn cản quản lý xe cuốc hiệu KOBELCO 07m^3 của ông L, ông T, bà K không thừa nhận, khi ông L để xe tại Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT, ông T có báo Ủy ban nhân dân xã Long Mỹ biết là có thật và được Ủy ban nhân dân xã Xác nhận ngày 23/3/2015, không có lỗi của ông T, bà K cũng như mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật. Thiệt hại xảy ra là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật và ngược lại hành vi trái pháp

luật là nguyên nhân gây ra thiệt hại, nên không có căn cứ buộc ông T, bà K bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông L.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Mai K đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định trên, nên chấp nhận.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định các Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông L nộp án phí giá ngạch theo luật định.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 11, 24 của Luật thương mại; các Điều, 256, 480, 604; 605; 607 Bộ luật dân sự năm 2005; tiểu mục 1, Mục I của Nghị quyết 03/2006/NQ/HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; các khoản 2, 3, 6 Điều 26, khoản 1 Điều 30 và các Điều 35, 39, 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 18, 24, 26, 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP.

1.1 Đình chỉ xét xử, về việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP yêu cầu bị đơn ông La Thành T bà Huỳnh Thị Mai K, Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT trả lại chiếc xe cuốc hiệu KOBELCO 07m^3.

1.2 Bác yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP, về việc yêu cầu bị đơn ông La Thành T, bà Huỳnh Thị Mai K, Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT bồi thường thiệt hại tiền thuê xe cuốc hiệu Sumitomo 05 mỗi tháng 30.000.000 đồng từ ngày 09/06/2014 đến ngày 24/11/2014 là 05 tháng 15 ngày, với số tiền là 165.000.000 đồng; tiền thuê xe cuốc hiệu Hitachi 0.25 mỗi tháng 25.000.000 đồng từ ngày 22/05/2014 đến ngày 24/11/2014 là 06 tháng 02 ngày (làm tròn 06 tháng), với số tiền là 150.000.000 đồng, tổng cộng là 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử về việc bị đơn ông La Thành T, bà Huỳnh Thị Mai K, Chủ Cơ sở mua bán vật liệu xây dựng TT yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, Chủ Doanh nghiệp tư nhân THP trả tiền thuê và mua vật tư xây dựng là 60.841.000 đồng (sáu mươi triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn L phải nộp 15.750.000 đồng, được khấu trừ từ 12.820.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo các biên lai số N^{o} 022221, ngày 15/12/2014, nên còn phải nộp thêm là 2.930.000 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Hoàn trả bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K 1.703.000 đồng (một triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, theo biên lai số N^{o} 022323, ngày 24/3/2015.

Hoàn trả bị đơn ông La Thành T, bà Huỳnh Thị Mai K 297.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, theo biên lai số N^{o} 0006209, ngày 11/12/2017.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cụcTHADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc